

Số: 49/QĐ-KT

Tam Anh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT)

Gói thầu: Thi công xây dựng

Dự án: Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc

**Tuyến: Quốc lộ 1A đi nhà văn hóa thôn An Lương; Quốc lộ 1A đi nhà
ông Khánh; Đường Quốc phòng đi nhà ông Nhân**

Địa điểm: Thôn An Lương, xã Tam Anh, thành phố Đà Nẵng

TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý; sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Núi Thành phê duyệt dự án Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc Tuyến: Quốc lộ 1A đi nhà văn hóa thôn An Lương; Quốc lộ 1A đi nhà ông Khánh; Đường Quốc phòng đi nhà ông Nhân;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-KT ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Phòng Kinh tế xã Tam Anh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án: Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến: Quốc lộ 1A đi nhà văn hóa thôn An Lương; Quốc lộ 1A đi nhà ông Khánh; Đường Quốc phòng đi nhà ông Nhân;

Căn cứ Hồ sơ mời thầu (E-HSMT), gói thầu: Thi công xây dựng, thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến: Quốc lộ 1A đi nhà văn hóa thôn An Lương; Quốc lộ 1A đi nhà ông Khánh; Đường Quốc phòng đi nhà ông Nhân do Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Khang Thịnh Phát lập;



Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-KT ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Phòng Kinh tế xã Tam Anh về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT), gói thầu: Thi công xây dựng; dự án: Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến: Quốc lộ 1A đi nhà văn hóa thôn An Lương; Quốc lộ 1A đi nhà ông Khánh; Đường Quốc phòng đi nhà ông Nhân; Địa điểm: Thôn An Lương, xã Tam Anh, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-KT ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Phòng Kinh tế xã Tam Anh về việc phê duyệt điều chỉnh Hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT), gói thầu: Thi công xây dựng; dự án: Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến: Quốc lộ 1A đi nhà văn hóa thôn An Lương; Quốc lộ 1A đi nhà ông Khánh; Đường Quốc phòng đi nhà ông Nhân; Địa điểm: Thôn An Lương, xã Tam Anh, thành phố Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh hồ sơ mời thầu qua mạng (E-HSMT), gói thầu: Thi công xây dựng, thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường GTNT xã Tam Anh Bắc; Tuyến: Quốc lộ 1A đi nhà văn hóa thôn An Lương; Quốc lộ 1A đi nhà ông Khánh; Đường Quốc phòng đi nhà ông Nhân với các nội dung như sau:

1. Nội dung E-HSMT đã phát hành: Theo Phụ lục I đính kèm

2. Nội dung E-HSMT điều chỉnh: Theo Phụ lục II đính kèm

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu theo hồ sơ mời thầu được duyệt đảm bảo các văn bản quy định hiện hành.

- Tổ Quản lý dự án chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, giám sát trong quá trình thực hiện.

Điều 3. Tổ Quản lý dự án, Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Khang Thịnh Phát, Giám đốc Công ty TNHH Ngân Huy Hoàng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tổ Quản lý dự án;
- Lưu: VT, Ân.

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Văn Thịnh

PHỤ LỤC I: BẢNG KÊ HẠNH MỤC CÔNG VIỆC
(Kèm theo Quyết định số 49/QĐ-KT ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Phòng Kinh tế xã Tam Anh)

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng tham khảo
1	Nền, móng mặt đường BTXM		
2	Nền đường		
3	Đào nền đường bằng máy đào 0,8m ³ - Cấp đất I	m ³	245,05
4	Vận chuyển đất hữu cơ bằng ô tô tự đổ 10 tấn - Cự ly ≤1km, đổ bãi thải	m ³	245,05
5	Đào nền đường, đào khuôn bằng máy đào 0,80m ³ - Cấp đất III	m ³	391,72
6	Đắp nền đường bằng máy lu bánh thép 16T, máy ủi 110CV, độ chặt Y/C K = 0,95	m ³	652,61
7	Đắp nền đường bằng máy lu bánh thép 16T, máy ủi 110CV, độ chặt Y/C K = 0,98	m ³	284,87
8	Lu lên lại nền đường độ chặt K=0,95	m ²	198,79
9	Cung cấp đất bằng ô tô tự đổ 10T	m ³	783,52
10	Móng, mặt đường		
11	Bê tông mặt đường dày ≤25cm, M300, đá 1x2, PCB40	m ³	470,95
12	Rải giấy dầu lớp cách ly	m ²	2.258,12
13	Thi công móng cấp phối đá dăm lớp trên	m ³	245,31
14	Ván khuôn thép mặt đường bê tông	m ²	244,73
15	Thi công khe co không thép	m	559,6
16	Thi công khe giãn	m	40,42
17	Cắt khe mặt BTXM khe 1x4 làm khe co, khe dọc, khe giãn	m	559,6
18	Phá dỡ kết cấu bê tông mặt đường cũ bằng búa căn khí nén 3m ³ /ph	m ³	1,86
19	Cống qua đường		
20	Bê tông bản mặt cống M300, đá 1x2, PCB40	m ³	4,26
21	Ván khuôn thép bản mặt cống	m ²	23,04
22	Lắp dựng cốt thép bản mặt cống ĐK ≤10mm	tấn	0,32
23	Lắp dựng cốt thép bản mặt cống ĐK >10mm	tấn	0,45
24	Bê tông mũ cống M200, đá 1x2, PCB40	m ³	2,72
25	Bê tông thân cống M150, đá 2x4, PCB40	m ³	7,97
26	Ván khuôn thép thân + mũ cống	m ²	61,07
27	Cốt thép mũ cống D≤10	tấn	0,26
28	Cốt thép mũ cống 10<D≤18	tấn	0,14
29	Bê tông móng M150, đá 2x4, PCB40	m ³	9,12
30	Ván khuôn móng cống	m ²	16,8
31	Thi công lớp đá đệm móng, ĐK đá Dmax ≤6	m ³	3,04
32	Bản dẫn đầu cống		
33	Bê tông bản dẫn M300, đá 1x2, PCB40	m ³	12
34	Ván khuôn thép bản dẫn	m ²	22
35	Sản xuất, lắp dựng cốt thép mặt đường, đường kính cốt thép ≤10mm	tấn	0,41
36	Sản xuất, lắp dựng cốt thép mặt đường, đường kính cốt thép ≤18mm	tấn	1,3
37	Đắp CPĐĐ đầm cóc 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95	m ³	21,2
38	Rải giấy dầu lớp cách ly	m ²	60
39	Đào móng bằng máy đào 0,8m ³ , chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	m ³	100,85
40	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95	m ³	50,03
41	Bê tông tường đầu, tường cánh M150, đá 2x4, PCB40	m ³	6,2932
42	Ván khuôn thép, khung xương, cột chống giáo ống, tường	m ²	36,3028
43	Bê tông móng, chân khay M150, đá 2x4, PCB40	m ³	12,7241
44	Ván khuôn móng mương	m ²	39,318
45	Thi công lớp đá đệm móng, ĐK đá Dmax ≤6	m ³	3,142
46	An toàn giao thông		

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng tham khảo
47	Lắp đặt cột và Loại biển báo phản quang: Biển tam giác cạnh 90cm	cái	6
48	Lắp đặt cột (loại trụ 2 biển báo phản quang - Biển tam giác cạnh 90cm)	cái	1
49	Cốt thép chống xoay d=14mm	tấn	0,01
50	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt màu vàng phản quang, dày sơn 2mm	m ²	3
51	Đảm bảo giao thông		
52	Đèn cảnh báo giao thông	cái	4
53	Dây nilon phản quang	m	200
54	Lắp đặt đế bê tông	1 cấu kiện	51



PHỤ LỤC II: BẢNG KÊ HẠNH MỤC CÔNG VIỆC
(Kèm theo Quyết định số 49/QĐ-KT ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Phòng Kinh tế xã Tam Anh)

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng tham khảo
1	TUYỂN: QUỐC LỘ 1A ĐI NHÀ VĂN HOÁ THÔN AN LƯƠNG; QUỐC LỘ 1A ĐI NHÀ ÔNG KHÁNH		
2	Nền, móng mặt đường BTXM		
3	Nền đường		
4	Đào nền đường bằng máy đào 0,8m ³ - Cấp đất I	m ³	245,05
5	Vận chuyển đất hữu cơ bằng ô tô tự đổ 10 tấn - Cự ly ≤1km, đổ bãi thải	m ³	245,05
6	Đào nền đường, đào khuôn bằng máy đào 0,80m ³ - Cấp đất III	m ³	391,72
7	Đắp nền đường bằng máy lu bánh thép 16T, máy ủi 110CV, độ chặt Y/C K = 0,95	m ³	652,61
8	Đắp nền đường bằng máy lu bánh thép 16T, máy ủi 110CV, độ chặt Y/C K = 0,98	m ³	284,87
9	Lu lên lại nền đường độ chặt K=0,98	m ²	198,79
10	Cung cấp đất bằng ô tô tự đổ 10T	m ³	783,52
11	Móng, mặt đường		
12	Bê tông mặt đường dày ≤25cm, M300, đá 1x2, PCB40	m ³	470,95
13	Rải giấy dầu lớp cách ly	m ²	2.258,12
14	Thi công móng cấp phối đá dăm lớp trên	m ³	245,31
15	Ván khuôn thép mặt đường bê tông	m ²	244,73
16	Thi công khe co không thép	m	559,6
17	Thi công khe giãn	m	40,42
18	Cắt khe mặt BTXM khe 1x4 làm khe co, khe dọc, khe giãn	m	559,6
19	Phá dỡ kết cấu bê tông mặt đường cũ bằng búa căn khí nén 3m ³ /ph	m ³	1,86
20	Cống qua đường		
21	Bê tông bản mặt cống M300, đá 1x2, PCB40	m ³	4,26
22	Ván khuôn thép bản mặt cống	m ²	23,04
23	Lắp dựng cốt thép bản mặt cống ĐK ≤10mm	tấn	0,32
24	Lắp dựng cốt thép bản mặt cống ĐK >10mm	tấn	0,45
25	Bê tông mũ cống M200, đá 1x2, PCB40	m ³	2,72
26	Bê tông thân cống M150, đá 2x4, PCB40	m ³	7,97
27	Ván khuôn thép thân + mũ cống	m ²	61,07
28	Cốt thép mũ cống D≤10	tấn	0,26
29	Cốt thép mũ cống 10<D≤18	tấn	0,14
30	Bê tông móng M150, đá 2x4, PCB40	m ³	9,12
31	Ván khuôn móng cống	m ²	16,8
32	Thi công lớp đá đệm móng, ĐK đá Dmax ≤6	m ³	3,04
33	Bản dẫn đầu cống		
34	Bê tông bản dẫn M300, đá 1x2, PCB40	m ³	12
35	Ván khuôn thép bản dẫn	m ²	22
36	Sản xuất, lắp dựng cốt thép mặt đường, đường kính cốt thép ≤10mm	tấn	0,41
37	Sản xuất, lắp dựng cốt thép mặt đường, đường kính cốt thép ≤18mm	tấn	1,3
38	Đắp CPĐĐ đầm cóc 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95	m ³	21,2
39	Rải giấy dầu lớp cách ly	m ²	60
40	Đào móng bằng máy đào 0,8m ³ , chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	m ³	100,85
41	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95	m ³	50,03
42	Hồ thu, tường cánh		
43	Bê tông tường đầu, tường cánh M150, đá 2x4, PCB40	m ³	6,2932
44	Ván khuôn thép, khung xương, cột chống giáo ống, tường	m ²	36,3028
45	Bê tông móng, chân khay M150, đá 2x4, PCB40	m ³	12,7241

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng tham khảo
46	Ván khuôn móng mương	m2	39,318
47	Thi công lớp đá đệm móng, ĐK đá Dmax ≤6	m3	3,142
48	An toàn giao thông		
49	Lắp đặt cột và Loại biển báo phản quang: Biển tam giác cạnh 90cm	cái	6
50	Lắp đặt cột (loại trụ 2 biển báo phản quang - Biển tam giác cạnh 90cm)	cái	1
51	Cốt thép chống xoay d=14mm	tấn	0,01
52	Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt màu vàng phản quang, dày sơn 2mm	m2	3
53	Đảm bảo giao thông		
54	Đèn cảnh báo giao thông	cái	4
55	Dây nylon phản quang	m	200
56	Lắp đặt đế bê tông	1 cầu Liên	51
57	Bê tông M150 đá 1x2 tấm đế	m3	0,395
58	Ván khuôn	m2	8,16
59	Cọc gỗ (5x5x110)cm	cái	51
60	Sơn phản quang cọc gỗ	m2	6,12
61	Gia công khung thép góc treo biển báo (1,5%*tháng+5%)	tấn	0,069
62	Lắp biển báo phản quang tam giác cạnh 70cm (trên khung)	cái	6
63	Biển báo 70x30cm (biển báo chỉ dẫn)	cái	4
64	TUYẾN: ĐƯỜNG QUỐC PHÒNG ĐI NHÀ ÔNG NHÂN		
65	Nền, móng mặt đường BTXM		
66	Nền đường		
67	Đào nền đường bằng máy đào 0,8m3 - Cấp đất I	m3	138,51
68	Vận chuyển đất hữu cơ bằng ô tô tự đổ 10 tấn - Cự ly ≤1km, độ bãi thái	m3	138,51
69	Đào nền đường, đào khuôn bằng máy đào 0,80m3 - Cấp đất III	m3	101,26
70	Đào rãnh dọc máy đào 0,8m3 - Cấp đất III	m3	2,2
71	Đắp nền đường bằng máy lu bánh thép 16T, máy ủi 110CV, độ chặt Y/C K = 0,95	m3	219,94
72	Đắp nền đường bằng máy lu bánh thép 16T, máy ủi 110CV, độ chặt Y/C K = 0,98	m3	61,78
73	Lu lèn lại nền đường độ chặt K=0,98	m2	17,93
74	Cung cấp đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn	m3	253,17
75	Móng, mặt đường		
76	Bê tông mặt đường dày ≤25cm, M300, đá 1x2, PCB40	m3	193,78
77	Rải giấy dầu lớp cách ly	m2	920,72
78	Thi công móng cấp phối đá dăm lớp trên	m3	73,41
79	Ván khuôn thép mặt đường bê tông	m2	150,15
80	Thi công khe co không thép	m	240,18
81	Thi công khe giãn	m	15,28
82	Cắt khe mặt BTXM khe 1x4 làm khe co, khe dọc, khe giãn	m	240,18
83	Công thủy lợi qua đường		
84	Bê tông bản mặt cống M300, đá 1x2, PCB40	m3	1,58
85	Ván khuôn thép bản mặt cống	m2	7,83
86	Lắp dựng cốt thép bản mặt cống ĐK ≤10mm	tấn	0,06
87	Lắp dựng cốt thép bản mặt cống ĐK >10mm	tấn	0,19
88	Bê tông mũ cống M200, đá 1x2, PCB40	m3	0,54
89	Bê tông thân cống M150, đá 2x4, PCB40	m3	2,58
90	Ván khuôn thép thân + mũ cống	m2	19,81
91	Cốt thép mũ cống D≤10	tấn	0,1
92	Cốt thép mũ cống 10<D≤18	tấn	0,1
93	Bê tông móng M150, đá 2x4, PCB40	m3	3,6



STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng tham khảo
94	Ván khuôn móng công	m2	5,46
95	Thi công lớp đá đệm móng, ĐK đá Dmax ≤6	m3	1,2
96	Bản dẫn đầu công		
97	Bê tông bản dẫn M300, đá 1x2, PCB40	m3	3,68
98	Ván khuôn thép bản dẫn	m2	6,1
99	Sản xuất, lắp dựng cốt thép mặt đường, đường kính cốt thép ≤10mm	tấn	0,12
100	Sản xuất, lắp dựng cốt thép mặt đường, đường kính cốt thép ≤18mm	tấn	0,35
101	Đắp CPĐĐ đầm cóc 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95	m3	6,49
102	Rải giấy dầu lớp cách ly	m2	18,38
103	Đào móng bằng máy đào 0,8m3, chiều rộng móng ≤6m - Cấp đất III	m3	26,62
104	Đắp đất bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt Y/C K = 0,95	m3	12,42
105	Phá bê tông công cũ có thép	m3	2,18
106	Hồ thu, mương nối, chân khay thượng, hạ lưu		
107	Thép góc L100x100x8 niềng đan hồ ga	tấn	0,11
108	Mạ kẽm nhúng nóng thép niềng đan hồ ga	tấn	0,11
109	Bê tông tấm đan M250, đá 1x2, PCB40 - Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công	m3	0,47
110	Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn kim loại, ván khuôn nắp đan	m2	0,88
111	Lắp dựng cốt thép đan hồ thu, đan mương ĐK ≤10mm	tấn	0,0136
112	Lắp dựng cốt thép đan hồ thu, đan mương ĐK >10mm	tấn	0,0427
113	Lắp các loại CKBT đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng ≤50kg	1 Cầu Liên	4
114	Bê tông thân hồ thu, mương nối, chân khay M150, đá 2x4, PCB40	m3	1,6945
115	Ván khuôn thép thân hồ thu, mương nối, chân khay	m2	7,764
116	Bê tông móng hồ thu, mương nối M150, đá 2x4, PCB40	m3	1,035
117	Ván khuôn móng mương	m2	8,86
118	Thi công lớp đá đệm móng, ĐK đá Dmax ≤6	m3	0,597
119	An toàn giao thông		
120	Lắp đặt cột và Loại biển báo phản quang: Biển tam giác cạnh 90cm	cái	8
121	Cốt thép chống xoay d=14mm	tấn	0,01
122	Đảm bảo giao thông		
123	Đèn cảnh báo giao thông	cái	2
124	Dây nilon phản quang	m	100
125	Lắp đặt đế bê tông	1 Cầu Liên	34
126	Bê tông M150 đá 1x2 tấm đế	m3	0,26
127	Ván khuôn	m2	5,44
128	Cọc gỗ (5x5x110)cm	cái	34
129	Sơn phản quang cọc gỗ	m2	4,08
130	Gia công khung thép góc treo biển báo (1,5%*tháng+5%)	tấn	0,03
131	Lắp biển báo phản quang tam giác cạnh 70cm (trên khung)	cái	4
132	Biển báo 70x30cm (biển báo chỉ dẫn)	cái	2
133	Cọc giải phóng mặt bằng (10x10x80)cm		
134	Cắm cọc ranh giới; cấp địa hình III	Cọc	82